

CÔNG TY TNHH GIÁO DỤC CHIBI SƠN ĐỘNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GIÁO DỤC CHIBI SƠN ĐỘNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2400817495

3. Ngày thành lập: 03/07/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Khu 3, Thị Trấn An Châu, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0204 3886 689 - 0984 243 628 Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Quảng cáo	7310
2.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
3.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
4.	Lập trình máy vi tính	6201
5.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
6.	Xây dựng nhà các loại	4100
7.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn, thiết kế, giám sát xây dựng	7110
8.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Giáo dục dự bị; Các trung tâm dạy học có khóa học dành cho học sinh yếu kém; Các khóa dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Dạy đọc nhanh; Đào tạo về sự sống; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy toán.	8559(Chính)
9.	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	8531
10.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
11.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
12.	Sao chép bản ghi các loại	1820
13.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
14.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
15.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
16.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649

17.	Xuất bản phần mềm	5820
18.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
19.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
20.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
21.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
22.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
23.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
24.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
25.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
26.	Khai thác và thu gom than non	0520
27.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
28.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
29.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
30.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
31.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
32.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
33.	Cho thuê xe có động cơ	7710
34.	Khai thác gỗ	0221
35.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
36.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
37.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
38.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
39.	Thu gom rác thải độc hại	3812
40.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
41.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ kho vận; Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty sản xuất và kinh doanh.	8299
42.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
43.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
44.	In ấn	1811
45.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
46.	Hoạt động hậu kỳ	5912
47.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
48.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
49.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
50.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
51.	Bốc xếp hàng hóa	5224

52.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
53.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
54.	Chăn nuôi gia cầm	0146
55.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
56.	Tái chế phế liệu	3830
57.	Chăn nuôi lợn	0145
58.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
59.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
60.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
61.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
62.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
63.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
64.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
65.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
66.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
67.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
68.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
69.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
70.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
71.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
72.	Bán buôn tổng hợp	4690
73.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
74.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
75.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
76.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
77.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
78.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
79.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
80.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
81.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
82.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
83.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
84.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
85.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
86.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
87.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
88.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210

